

德育學校財團法人德育護理健康學院高齡照顧福祉系
KHOA PHÚC LỢI VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE DEH YU
PHÁP NHÂN TRƯỜNG HỌC DEH YU

實習機構實習合約書
HỢP ĐỒNG THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ THỰC TẬP

立約人

CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

甲方：德育學校財團法人德育護理健康學院(實習學校，以下簡稱甲方)

Bên A: Pháp nhân trường học Deh Yu – Trường Đại học Điều dưỡng và Sức khỏe Deh Yu (Trường thực tập, sau đây gọi tắt là “Bên A”)

乙方：000 (實習機構，以下簡稱乙方)

Bên B: 000 (Cơ sở thực tập, sau đây gọi tắt là “Bên B”)

丙方：000 實習學生，以下簡稱丙方)

Bên C: 000 (Sinh viên thực tập, sau đây gọi tắt là “Bên C”)

依據高齡照顧福祉系校外實習辦法，訂定本系學生校外機構實習合約書，茲為甲方分派丙方(課程名稱：000 至乙方實習，經三方協議，願意共同遵守下列條款：

Căn cứ Quy định về thực tập ngoài trường của Khoa Phúc lợi Chăm sóc Người cao tuổi, Hợp đồng thực tập tại cơ sở ngoài trường dành cho sinh viên của Khoa được lập như sau. Theo đó, Bên A phân công Bên C (Tên học phần: Thực tập nâng cao về Quản lý Sức khỏe và Chăm sóc (I)) đến thực tập tại Bên B. Sau khi ba bên cùng thỏa thuận, các bên đồng ý cùng tuân thủ các điều khoản sau:

一、乙方同意接受丙方 000 進行實習，實習期間為：民國 年 月 日至 年 月 日，每位學生合計 小時，依乙丙雙方約定實際完成時數為準。

Bên B đồng ý tiếp nhận Bên C – 000 đến thực tập trong thời gian từ ngày 14 tháng 9 năm 2026 đến ngày 15 tháng 1 năm 2027. Tổng thời gian thực tập của mỗi sinh viên là 360 giờ, căn cứ theo số giờ thực tế hoàn thành theo thỏa thuận giữa Bên B và Bên C.

二、甲乙雙方應於丙方實習前完成實習計畫書之內容協調，必要時得於實習前召開實習協調會，並作成會議紀錄。

Bên A và Bên B phải hoàn tất việc trao đổi và thống nhất nội dung Kế hoạch thực tập trước khi Bên C bắt đầu thực tập. Khi cần thiết, hai bên có thể tổ chức cuộc họp phối hợp thực tập trước khi bắt đầu thực tập và lập biên bản cuộc họp.

三、甲方應將實習計畫書及合約書等資料送交乙方，以便辦理。

Bên A có trách nhiệm gửi Kế hoạch thực tập, Hợp đồng thực tập và các tài liệu liên quan cho Bên B để Bên B tiến hành các thủ tục cần thiết.

四、丙方於實習期間之住宿、膳食、交通等費用概由丙方自理，乙方得酌情給予協助；保險則由甲方辦理。

Trong thời gian thực tập, các chi phí về chỗ ở, ăn uống, đi lại và các chi phí liên quan khác của Bên C do Bên C tự chi trả. Bên B có thể hỗ trợ tùy theo tình hình thực tế. Việc mua bảo hiểm cho Bên C do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

五、實習津貼 Trợ cấp thực tập

☐ 無 Không có

☐ 津貼，新台幣 196 元/小時 Trợ cấp thực tập: 196 Đài tệ/giờ.

(上開實習津貼由乙方以金融機構轉存方式直接發給丙方)。

(Khoản trợ cấp thực tập nêu trên sẽ do Bên B chuyển trực tiếp cho Bên C thông qua tài khoản tại tổ chức tài chính.)

六、丙方於實習期間所用之器材及物品，如因不慎或故意損壞、遺失或被竊等情事，應由丙方負責賠償。

Trong thời gian thực tập, nếu các thiết bị và vật dụng do Bên C sử dụng bị hư hỏng, mất mát hoặc bị đánh cắp do sơ suất, bất cẩn hoặc cố ý, Bên C phải chịu trách nhiệm bồi thường.

七、丙方於實習期間所用之器材及物品，如因不慎或故意損壞、遺失或被竊等情事，應由丙方負責賠償。

Trong thời gian thực tập, nếu các thiết bị và vật dụng do Bên C sử dụng bị hư hỏng, mất mát hoặc bị mất do sơ suất, bất cẩn hoặc cố ý, Bên C phải chịu trách nhiệm bồi thường.

八、丙方實習期滿後，由乙方於一週內寄回丙方之學生實習時數紀錄明細表、校外實習計畫表、照護技術經驗單、實習訓練場所督導評分表、實習週誌及實習總心得等給甲方，作為評核實習總成績

之依據。

Sau khi Bên C hoàn thành thời gian thực tập, trong vòng một tuần, Bên B có trách nhiệm gửi cho Bên A các tài liệu gồm: Bảng chi tiết ghi nhận số giờ thực tập của sinh viên, Kế hoạch thực tập ngoài trường, Phiếu kinh nghiệm thực hành kỹ thuật chăm sóc, Phiếu đánh giá của người hướng dẫn tại địa điểm thực tập, Nhật ký thực tập hằng tuần và Báo cáo tổng kết thực tập của Bên C. Các tài liệu trên được sử dụng làm căn cứ để đánh giá tổng kết kết quả thực tập.

九、甲乙丙各方如有違反教育部、勞動部或其他主管機關之相關法令、規範、指導原則或行政命令，致影響丙方權益、實習品質、安全或本合約履行之情事，甲乙雙方得依法召開協調會議、進行協商、輔導適應或轉換其他實習、終止合約等事宜。

Trường hợp bất kỳ Bên A, Bên B hoặc Bên C nào vi phạm các quy định pháp luật, quy phạm, nguyên tắc hướng dẫn hoặc mệnh lệnh hành chính có liên quan của Bộ Giáo dục, Bộ Lao động hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác, dẫn đến ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên C, chất lượng thực tập, an toàn hoặc việc thực hiện Hợp đồng này, thì Bên A và Bên B có thể, theo quy định pháp luật, triệu tập cuộc họp phối hợp, tiến hành thương lượng, hướng dẫn và hỗ trợ Bên C thích nghi, chuyển sang cơ sở thực tập khác hoặc chấm dứt Hợp đồng và thực hiện các biện pháp liên quan khác.

十、本合約書如有未盡事宜，三方得隨時協調解決之。

Đối với những vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng này, ba bên có thể tiến hành trao đổi và phối hợp giải quyết vào bất kỳ thời điểm nào.

十一、本合約書一式三份，甲乙丙方各執乙份。

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản, mỗi Bên A, Bên B và Bên C giữ 01 (một) bản.

立約人

CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

甲方：德育學校財團法人德育護理健康學院

Bên A: Pháp nhân trường học Deh Yu – Trường Đại học Điều dưỡng và Sức khỏe Deh Yu

代表人：翁進坪

Người đại diện: Ông Weng Chin-Ping

統一編號：00501200

Mã số doanh nghiệp: 00501200

地址：基隆市中山區復興路 336 號

Địa chỉ: Số 336, Đường Fuxing, Quận Zhongshan, Thành phố Keelung, Đài Loan

電話：(02)24372093

Điện thoại: (02)24372093

乙方：

Bên B:

代表人：

Người đại diện:

統一編號：

Mã số doanh nghiệp:

地址：

Địa chỉ:

電話：

Điện thoại:

丙方：

Bên C:

身分證字號：

Số CMND/Thẻ cư trú:

地址：

Địa chỉ:

電話：

Điện thoại:

中 華 民 國 年 月 日